

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 12 - 9 - 2018

"Về việc ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Cương

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc " ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-DS ngày 24/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Kiều L**, sinh năm 1973 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn Q**, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng cư trú: Ấp 7 Xáng, xã Đông Hòa, huyện AM- Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 23/03/2018 và bản tự khai ngày 26/8/2018, nguyên đơn chị **Trần Kiều L** trình bày và yêu cầu như sau:

Tôi và anh **Huỳnh Văn Q**, chung sống với nhau tháng 6 năm 1992 đến ngày 30/12/2002 đi đăng kết hôn tại UBND xã Đông Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 457, quá trình chung sống thì hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh Q thường xuyên đi uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng tôi thậm chí có lúc chửi cha mẹ tôi, không hề quan tâm lo lắng gì đến tôi và các con, thời gian gần đây anh Q dùng nhiều lời nói

xúc phạm tôi rất nhiều, có lần tôi nhờ đến chính quyền địa phương hòa giải, thì anh Q nằng nỉ anh sửa chữa để vợ chồng về đoàn tụ nuôi con, anh có làm tờ cam kết với tôi nên tôi thiết nghĩ anh Q sửa đổi nhưng về sống chung thì anh Q không sửa chữa được gì. Nên tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và anh Q không thể sống với nhau được nên tôi quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện AM giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q. Trong thời gian chung sống tôi và anh Q có 03 đứa con chung tên Huỳnh Thị Kim Ngân, sinh năm 1993, và Huỳnh Thị Bích Phụng, sinh năm 1994, Huỳnh Gia Huy, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2003. Hiện nay anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng Gia Huy, 02 đứa con lớn đã trưởng thành tự lao động sinh sống được. Khi ly hôn theo nguyện vọng của con Gia Huy sống với cha là ông Huỳnh Văn Q nên tôi đồng ý giao cho anh Q nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, về nợ chúng tôi không nợ ai, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn Q đã được Tòa án giao thông báo thụ lý, nhưng không có ý kiến trình bày.*

** Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2018, bà Dương Thị Diễm (mẹ ruột anh Huỳnh Văn Q cho biết:*

Chị Trần Kiều L và anh Huỳnh Văn Q chung sống với nhau cách nay hơn 20 năm nhưng thật sự hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn lý do Kiều L thường xuyên bỏ nhà đi chơi, đi chùa đến 10 ngày hoặc 15 ngày mới về nhà một lần, không lo cho gia đình chồng con nên anh Quyền không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau hơn 02 năm nay.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Trần Kiều L yêu cầu xin được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q; về con chung, chị L xác định chị và anh Q có 03 đứa con chung tên Huỳnh Thị Kim Ngân, sinh năm 1993, và Huỳnh Thị Bích Phụng, sinh năm 1994 và Huỳnh Gia Huy, sinh năm 2003. Hiện nay anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng Gia Huy, 02 đứa lớn đã trưởng thành tự lao động sinh sống được. Khi ly hôn theo nguyện vọng của con Gia Huy sống với cha nên chị L đồng ý giao con cho anh Q nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Q.

Về tài sản và nợ: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn Q có ý kiến trình bày: về quan hệ hôn nhân tôi và bà L sống với nhau năm 1992, đến năm 2002 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hòa và được cấp giấy chứng nhận, trong quá trình chung sống thì nguyên nhân do tôi đi làm ăn thường xuyên vắng nhà nên cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà L biết được dẫn đến mâu

thuần vợ chồng, trong cuộc sống tôi thiếu quan tâm lo lắng cho vợ con, công việc gia đình do bà L lo liệu đúng như vợ tôi trình bày, bà L có làm đơn yêu cầu đến chính quyền địa phương hòa giải nên tôi có làm tờ cam kết tôi khắc phục sửa chữa những sai sót để sống hạnh phúc như trong tờ cam kết, nhưng sau khi cam kết về do làm kinh tế thất bại nên tôi không thực hiện đúng như tờ cam kết như không mang tiền về nhà đưa cho vợ lo cho cuộc sống gia đình, vợ tôi phải đi làm kiếm tiền lo cho con nhiều năm liền, nên vợ tôi phải tự tìm việc làm kiếm tiền nuôi con, lo cho gia đình thì tôi phát sinh ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn nên vợ tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với tôi.

Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và bà L vẫn còn có thể đoàn tụ được, nên không đồng ý ly hôn. Nếu như bà L quyết định ly hôn với tôi và giao con Gia Huy cho tôi nuôi theo nguyện vọng của Gia Huy tôi đồng ý nuôi (hiện nay Gia Huy tôi đang nuôi), tôi không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ: Tôi không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự nguyên đơn chị Trần Kiều L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn Q chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, chị Linh và anh Q chung sống với nhau vào 1992 đến ngày 30/11/2002 đi đăng kết hôn tại UBND xã Đông Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2011 phát sinh nhiều mâu thuẫn nhiều năm liền, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình, chính quyền địa phương hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Q vắng mặt không tham gia hoà giải nên chính quyền địa phương không hoà giải được, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh Q cũng không ý kiến và không làm văn bản giấy tờ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bản thân anh. Thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh Q trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị

Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn với anh Q; về con chung, chị L và anh Q có 03 đứa con chung. Từ khi anh chị ly thân đến nay cháu Gia Huy do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu Huy có thể hiện nguyện vọng được sống với anh Q, chị L đồng ý. Thấy rằng sau khi ly hôn chị L và anh Q thống nhất với nhau việc giao con cho một người nuôi dưỡng phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị cho anh Q nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, anh Q không yêu cầu, chị L không tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Huỳnh Thị Kim Ngân, sinh năm 1993, và Huỳnh Thị Bích Phụng, sinh năm 1994 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên đề nghị không xét xem.

Về tài sản và nợ chung; chị L và anh Q xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Kiều L yêu cầu xin được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q, về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi chị L khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh Q, cư trú và làm ăn sinh sống tại ấp 7 Xáng, xã Đông Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Q biết và ấn định thời gian để anh Q có ý kiến về việc khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh và nuôi con, nhưng anh Q không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập cho anh Q tại phiên tòa lần thứ hai anh Q có mặt.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị L và anh Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban*

nhân dân xã Đông Hòa là nơi cư trú một trong các bên của anh chị) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2002, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh Q thấy rằng, thời gian chung sống anh chị có nhiều bất đồng, trong cuộc sống theo như anh Q thừa nhận tại phiên tòa hôm nay, anh là người có lỗi đối với chị L đó là vợ chồng sống với nhau mà anh không chung thủy, công việc làm ăn thì không bình đẳng, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, không quan tâm lo lắng giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn của anh chị kéo dài thời gian không có phương pháp đoàn tụ cho nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Linh, cho chị Trần Kiều L được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, hiện nay Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, chị Kiều L và anh Q có 03 đứa con chung. Huỳnh Thị Kim Ngân, sinh năm 1993, và Huỳnh Thị Bích Phụng, sinh năm 1994 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không xét xem. Đối với cháu Huỳnh Gia Huy, sinh ngày 09/4/2003. Tại phiên tòa hôm nay anh chị thống nhất với nhau cháu Gia Huy hiện nay do anh Quyền trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Huy có thể hiện nguyện vọng được sống với anh Q, Thấy rằng việc thỏa thuận của chị L và anh Q tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 92 luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hiện nay Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy nên chấp nhận giao cháu Gia Huy cho anh Q nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung; chị L và anh Q xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Điều 87, 89 và 91, khoản 2 Điều 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình 2000 (hiện nay Điều 9, khoản 1 Điều 51, 53, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kiều L được ly hôn với anh Huỳnh Văn Q.

[2]. Về con chung: xác định chị Kiều L và anh Q có 03 đứa con chung. Huỳnh Thị Kim Ngân, sinh năm 1993, và Huỳnh Thị Bích Phụng, sinh năm 1994, hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không xét xem. Giao cháu Huỳnh Gia Huy, sinh ngày 09/4/2003 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng (*hiện nay cháu Huy đang sống với anh Q*);

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, anh Q không yêu cầu, chị L không tự nguyện nên không xem xét.

[4]. Về tài sản và nợ chung; chị L và anh Q xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí, buộc chị Trần Kiều L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008690 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Trần Kiều L nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/9/2018.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hòa;
- Lưu HSVA,VP;

Lê Mỹ Huê

